TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2026
V/v tranh chấp về HN & GĐ - Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Tuấn

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- *Thư ký phiên toà*: Bà Phạm Thị Kim Hường - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2026/TLST–HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026, về việc *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 388/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 339/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thanh T, sinh 1994; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp K10, xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi đăng ký thường trú: Số nhà 766, Tổ 27, Ấp A, xã Ph, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1999; (Vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 27, Ấp A, xã Ph, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Phòng số 11, Nhà trọ Hữu Minh, Tổ 36, Khóm D, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** *Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Trần Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2018, ông T và bà H có quen biết rồi yêu thương nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán địa phương và được gia đình hai bên chứng kiến. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (nay là Uỷ ban nhân dân xã Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 01/3/2021 theo giấy chứng nhận kết hôn số 56.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Đến khoảng tháng 8/2025 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Lý do: Vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất mãn trong hôn nhân, lâu dần dẫn đến bất đồng về quan điểm sống nên đã ly thân từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay. Từ khi ly thân đến nay, ai nấy đều có cuộc sống riêng, kinh tế riêng, không ai quan tâm lo lắng và chăm sóc nhau. Xét về tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài được nữa.

Nay, ông Trần Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Ngọc H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung gồm tên Trần Thuận T, sinh ngày 12/12/2018; Trần Thuận Ph, sinh ngày 07/12/2021; Trần Trí Tr, sinh ngày 04/02/2024. Từ khi ly thân đến nay, các con chung do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Toàn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Toàn được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung, không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Huyền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Ngọc H không nộp văn bản ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của ông T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*. Bị

đơn bà Nguyễn Ngọc H có địa chỉ liên hệ tại Nhà trọ Hữu Minh, Tổ 36, Khóm D, phường M, tỉnh Đồng Tháp theo xác nhận của Công an phường M thì bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1999 hiện thường xuyên sinh sống tại nhà trọ Hữu Minh, Tổ 36, Khóm D, phường M, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử, bị đơn bà Nguyễn Ngọc H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản ý kiến về việc ông Trần Thanh T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc H nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Ngọc H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của ông T và bà H được xác lập năm 2021, hôn nhân của ông T và bà H là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2021 nên quan hệ hôn nhân của ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống giữa ông T và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên không có tiếng nói chung. Do đó, ông T và bà H đã ly thân từ tháng 8/2025 đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không hàn gắn được tình cảm. Do đó, ông T cương quyết ly hôn với bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Thanh T với bà Nguyễn Ngọc H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa ông T và bà H có 03 con chung tên Trần Thuận T, sinh ngày 12/12/2018; Trần Thuận Ph, sinh ngày 07/12/2021; Trần Trí Tr, sinh ngày 04/02/2024, hiện nay con chung đang sống chung với ông T (đối với cháu Trần Thuận T đã trên 07 tuổi nên cháu có văn bản ý kiến, nguyện vọng được sống với cha là Trần Thanh T để thuận tiện việc học của cháu).

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và có yêu cầu tiếp tục nuôi con các con chung của ông T và bà H nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thuận T, Trần Thuận Ph, Trần Trí Tr cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông T không yêu cầu bà H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng nuôi con của bà H.

[4] Về tài sản chung: Ông T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T. Ông Trần Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc H.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Trần Thuận T, sinh ngày 12/12/2018; Trần Thuận Ph, sinh ngày 07/12/2021; Trần Trí Tr, sinh ngày 04/02/2024 cho ông Trần Thanh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (hiện nay 03 con chung đang sống chung với Trần Thanh T).

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Trần Thanh T không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: ông Trần Thanh T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Ông Trần Thanh T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009068 ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 6 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV6 – Đồng Tháp;
- UBND xã Tam Nông;
(Giấy K/H số 06 ngày 01/3/2021);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Mỹ